|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 07 /2024/TT-BNNPTNT | *Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2024* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn****hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước**

**của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số*[*27/2022/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-27-2022-nd-cp-co-che-quan-ly-thuc-hien-cac-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-510809.aspx)*ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số*[*38/2023/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-38-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-27-2022-nd-cp-quan-ly-thuc-hien-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-570709.aspx)*ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*27/2022/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-27-2022-nd-cp-co-che-quan-ly-thuc-hien-cac-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-510809.aspx)*(sau đây viết tắt là Nghị định số 38/2023/NĐ-CP);*

*Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 263/QĐ-TTg);*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, như sau:**

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Nguyên tắc thực hiện theo quy định tại Điều 4 Chương I, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Việc lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Chương II, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”.

3. Bổ sung điểm i, điểm k vào khoản 1 Điều 4 như sau:

“i) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư, quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

k) Xây dựng và phổ biến các tài liệu, sổ tay hướng dẫn kỹ thuật phục vụ
hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi, thực hiện tiêu chí thủy lợi.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện, hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của pháp luật hiện hành.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6 như sau:

“a) Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung theo các định hướng tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021- 2025; Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 và theo quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung của địa phương.”.

6. Bổ sung khoản 6 vào Điều 7 như sau:

“6. Tổ chức giám sát, đánh giá chất lượng nước sạch nông thôn; áp dụng Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành trong xét, công nhận nông thôn mới các cấp; tuyên truyền, vận động người dân tham gia quản lý, bảo vệ và sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

1. Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch chung xây dựng xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

2. Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp điều kiện vùng miền.

3. Xây dựng thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp, thiết kế đơn giản; Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và cấp thôn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đảm bảo dễ xây dựng, sử dụng, vận hành và phù hợp với đặc thù của từng địa phương.

4. Tuyên truyền vận động người dân cải tạo hệ thống thoát nước và áp dụng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế nước thải chưa được xử lý phát sinh ra môi trường.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều như sau:

“Điều 10. Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và xây dựng, phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung; hỗ trợ cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Hỗ trợ các nội dung chính sách hợp tác, liên kết và phát triển các hợp đồng liên kết chuỗi tiêu thụ nông sản theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP);”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm d khoản 2 như sau:

“c) Hỗ trợ các nội dung chính sách hợp tác, liên kết và phát triển các hợp đồng liên kết chuỗi tiêu thụ nông sản theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP);

d) Hỗ trợ các dịch vụ công trong vùng nguyên liệu, như: Cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xác nhận, chứng nhận các tiêu chuẩn, hợp chuẩn chất lượng, tem nhãn sản phẩm đặc thù (OCOP, sinh thái, hữu cơ…) cho sản phẩm nông nghiệp; cung cấp thông tin thời tiết và thông tin thị trường, thương mại.”.

d) Bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hỗ trợ cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

a) Mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ cơ giới hoá nông nghiệp;

b) Huấn luyện, đào tạo vận hành máy, thiết bị, công nghệ;

c) Hỗ trợ mặt bằng sản xuất thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc Điều 21 Luật Hợp tác xã;

d) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, kiểm tra, đánh giá mức độ áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 4 như sau:

“Thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025, các quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Xây dựng Không gian triển lãm và phát triển sản phẩm OCOP quốc gia để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, kết nối cung cầu, quảng bá, giới thiệu và thương mại sản phẩm OCOP trong nước và quốc tế. Trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm đ khoản 4 như sau:

“d) Về quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu:

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm, sự kiện tôn vinh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP đặc sắc thường niên gắn với văn hóa cấp quốc gia, cấp vùng, địa phương và quốc tế; thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm OCOP gắn với thị trường du lịch trọng điểm.

Xây dựng và quản lý đồng bộ, hiệu quả thương hiệu OCOP Việt Nam; tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ, nâng cao hình ảnh, khả năng nhận diện và giá trị sản phẩm OCOP trên thị trường.

Thử nghiệm và nhân rộng mô hình điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Công thương về xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP (theo phân công tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025). Ưu tiên xây dựng các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với các đô thị, trung tâm du lịch lớn, du lịch nông nghiệp, nông thôn ở các địa phương.

Thí điểm và nhân rộng mô hình các tuyến phố OCOP; Không gian giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với du lịch; hình thành hệ thống phân phối sản phẩm OCOP trên các phương tiện giao thông (đường sắt, hàng không,…); các mô hình xúc tiến thương mại trên nền tảng công nghệ số (Làng thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP, hội chợ và triển lãm thực tế ảo OCOP); các Trung tâm giới thiệu OCOP đồng bộ, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với khai thác lợi thế về du lịch nông thôn.

Xây dựng hệ thống phân phối phù hợp, từng bước thiết lập hệ thống giới thiệu và bán sản phẩm OCOP riêng và đặc trưng gắn với các sản phẩm quà tặng, quà biếu, sản phẩm đặc sản địa phương.

Xây dựng hệ thống xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP ra thị trường quốc tế; nâng cao năng lực hệ thống logistic trong thương mại sản phẩm OCOP; xây dựng và triển khai chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá và nhận diện thương hiệu đối với các sản phẩm OCOP quốc gia.

Xây dựng Không gian triển lãm và phát triển sản phẩm OCOP quốc gia nhằm quảng bá, giới thiệu, phát triển sản phẩm, kết nối cung - cầu và thị trường sản phẩm OCOP quốc gia.

Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế trong quảng bá, giới thiệu và xúc tiến thương mại nhằm phát triển sản phẩm OCOP ra thị trường nước ngoài.

### đ) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát sản phẩm OCOP:

Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên theo quy định tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm; tăng cường áp dụng công nghệ số trong tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

Xây dựng hệ thống báo cáo và quản lý cơ sở dữ liệu về sản phẩm OCOP các cấp (trung ương, tỉnh, huyện). Tổ chức quản lý và giám sát chặt chẽ sản phẩm OCOP nhằm nâng cao chất lượng, giá trị và thúc đẩy kết nối cung - cầu sản phẩm OCOP.

Xây dựng quy chế và đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát việc áp dụng chính sách, quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm ở các địa phương, duy trì điều kiện sản xuất của các chủ thể và chất lượng sản phẩm OCOP sau khi được đánh giá, công nhận.

Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về quy trình giám sát và đánh giá sản phẩm OCOP.

Thử nghiệm và xây dựng lộ trình phù hợp áp dụng cơ chế xã hội hóa trong hoạt động giám sát, đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.”.

c) Bổ sung điểm h vào khoản 4 như sau:

“h) Triển khai một số mô hình thí điểm thuộc Chương trình OCOP về: Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương, phát triển chế biến quy mô nhỏ và vừa; sản phẩm OCOP xanh gắn với mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học và sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch gắn với nâng cao vai trò cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của pháp luật hiện hành.”.

10. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu Điều 15 như sau:

“Thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, các quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu như sau:

 “Thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, các quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững

Xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: Du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch làng thông minh, du lịch không phát thải. Ưu tiên các mô hình có sản phẩm du lịch đặc sắc cho từng vùng miền và có hiệu quả kinh tế; hướng tới việc nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi tác nhân trong chuỗi giá trị du lịch (nhà quản lý, doanh nghiệp lữ hành, cộng đồng và du khách,…) trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu và lao động tại chỗ; có áp dụng các giải pháp về chuyển đổi số; huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người yếu thế để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân.

Triển khai một số mô hình thí điểm thuộc Chương trình về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của pháp luật hiện hành.”.

### 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Nâng cao chất lượng môi trường

1. Thực hiện các quy định về thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải; thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau sử dụng; quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tại các văn bản đã ban hành, gồm: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống kháng thuốc tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2021 về hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác; Thông tư số 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2019 về quy định việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn liên quan.

### 2. Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; giảm thiểu phát thải chất thải nhựa.

### 3. Xây dựng mô hình về tuần hoàn, tái sử dụng, xử lý chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa ở nông thôn.”.

### 13. Bổ sung khoản 3 vào Điều 19 như sau:

###  “3. Các hoạt động về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản gồm:

### a) Xây dựng và phổ biến các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tài liệu tập huấn, sổ tay về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản phù hợp với điều kiện vùng miền.

### b) Hỗ trợ chi truyền thông, tập huấn về tuần hoàn, tái sử dụng, xử lý chất thải tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản.

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình đảm bảo vệ sinh môi trường, tuần hoàn chất thải ở các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; mô hình về quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa.”.

### 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu như sau:

 “Thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1384/QĐ-BNN-QLCL ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:”.

### b) Bổ sung điểm c vào khoản 8 như sau:

### “c) Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp huyện, liên huyện, cấp tỉnh và liên tỉnh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm.”.

### c) Bổ sung khoản 10, khoản 11 như sau:

### “10. Triển khai các giải pháp để thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung vào các giải pháp sau:

### a) Truyền thông và nâng cao năng lực: Xây dựng các chương trình chuyên đề, chuyên mục định kỳ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát sóng định kỳ trên các đài truyền hình, truyền thanh, báo viết, báo điện tử. Phát động các phong trào thi đua chuyên đề để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; tổ chức các cuộc thi nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp. Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tại cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn và vận hành các công trình cấp nước và xử lý chất thải. Xây dựng các bộ sản phẩm truyền thông mẫu, thiết kế mẫu về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

### b) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

### c) Rà soát, cập nhật, chuyển giao và ứng dụng công nghệ về cấp nước và bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện của địa phương theo hướng giảm chi phí đầu tư và vận hành, kỹ thuật vận hành đơn giản, thân thiện với môi trường; ưu tiên lựa chọn các công nghệ sản xuất trong nước, công nghệ hiện đại, tuần hoàn và thân thiện với môi trường.

### d) Xây dựng hướng dẫn, triển khai thực hiện và tổng kết, đánh giá, nhân rộng các mô hình về huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, hợp tác xã, tổ đội nhóm và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường nông thôn.

đ) Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở.

11. Triển khai một số mô hình chỉ đạo điểm của trung ương về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của pháp luật hiện hành.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu như sau:

 “Thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025, các quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:”.

b) Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Triển khai một số mô hình thí điểm chỉ đạo của trung ương về xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định của pháp luật hiện hành.”.

### 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 22 như sau:

“4. Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ Công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, quy định pháp luật về đấu thầu và quản lý, sử dụng tài sản công.”.

### 17. Bổ sung khoản 4 vào Điều 23 như sau:

“4. Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, gồm các chỉ số phản ánh kết quả đầu ra, trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo (chi tiết tại Phụ lục I, II ban hành kèm theo Thông tư này).”.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng gắn với thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”.

### 19. Bổ sung khoản 5 vào Điều 27 như sau:

### “5. Xây dựng, phổ biến các tài liệu bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp

### a) Xây dựng, biên soạn, biên tập, chỉnh lý và phát hành rộng rãi tài liệu (cẩm nang, sổ tay,…) tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở (các kiến thức chung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các lĩnh vực chuyên đề của Chương trình).

### b) Xây dựng, biên soạn, biên tập, chỉnh lý và phát hành rộng rãi tài liệu tập huấn, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.”.

20. Bổ sung tiểu mục 4 vào sau tiểu mục 3, mục 5, Chương II như sau:

“Tiểu mục 4

DUY TU, BẢO DƯỠNG VÀ VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH

ĐẦU TƯ SAU KHI ĐÃ HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG”

21. Bổ sung Điều 29a sau Điều 29 vào tiểu mục 4 như sau:

“Điều 29a. Duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư

1. Công trình được duy tu, bảo dưỡng là công trình được đầu tư từ nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

2. Quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2024.

2. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các văn bản được trích dẫn cụ thể trong Thông tư này sẽ được áp dụng theo văn bản mới ban hành khi văn bản điều chỉnh mới có hiệu lực thi hành.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Tổng Kiểm toán Nhà nước;- Cơ quan TW của các đoàn thể;- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, Sở LĐTB&XH, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử CP; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật;- Bộ NN&PTNT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ; Cổng thông tin điện tử Bộ NN&PTNT;- Lưu: VT, VPĐP (3b). | **BỘ TRƯỞNG****Đã ký****Lê Minh Hoan** |